TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Lê Thị Na Na
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đoàn Thị Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-DS ngày 29-8-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2025/QĐST-DS ngày 12-9-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1; Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý;

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Tạ Công Phi V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15-7-2024 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 21/05/2020, Ngân hàng với ông Tạ Công Phi V đã ký Hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME và khế ước nhận nợ với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay là vay cá nhân để xây dựng chuồng trại chăn nuôi, Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,7%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 04 tháng/lần, được xác định bằng lãi suất Bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính áp dụng tại thời điểm giải ngân với biên độ 0,5%/năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên: 10/08/2020. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trả nợ gốc: Thanh toán nợ gốc định kỳ 04 tháng/lần, kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 10/08/2020. Trả nợ lãi: Thanh toán nợ lãi định kỳ 04 tháng/lần, kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 10/08/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Tạ Công Phi V đã trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 592.300.903 đồng (trả gốc 534.000.000 đồng, trả lãi 58.300.903 đồng). Kể ngày 10/8/2022 ông Tạ Công Phi V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Tạ Công P V để yêu cầu trả nợ nhưng ông V cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/9/2025, ông Tạ Công P V còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền: 533.138.923 đồng, trong đó nợ gốc: 266.000.000 đồng, nợ lãi 267.138.923 đồng (lãi trong hạn 54.715.720 đồng, lãi quá hạn 212.423.203 đồng).

Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi giải quyết:

Buộc bị đơn ông Tạ Công P V phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 533.138.923 đồng, trong đó nợ gốc: 266.000.000 đồng, nợ lãi 267.138.923 đồng (lãi trong hạn 54.715.720 đồng, lãi quá hạn 212.423.203 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

**** Đối với bị đơn ông Tạ Công Phi V:*** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

**** Tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đề nghị:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 BLDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bị đơn ông Tạ Công Phi V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/9/2025, tổng cộng 533.138.923 đồng, trong đó nợ gốc: 266.000.000 đồng, nợ lãi 267.138.923 đồng (lãi trong hạn 54.715.720 đồng, lãi quá hạn 212.423.203 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo các thỏa thuận tại Hợp đồng vay đã ký kết.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 khởi kiện tranh chấp yêu cầu trả tiền vay tại Hợp đồng cho vay đối với ông Tạ Công Phi V. Cá nhân bị đơn vay tiền để xây dựng chuồng trại chăn nuôi và tại thời điểm Ngân hàng cấp tín dụng cho bị đơn thì bị đơn có địa chỉ tại phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng ngãi (nay là phường N, tỉnh Quảng Ngãi). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

[**1.2**] *Xét việc Nguyên đơn là Ngân hàng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt không có lý do:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã vắng mặt tại nơi cư trú nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Còn Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**1.3**] Bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về yêu cầu trả nợ tiền vay của nguyên đơn:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME ngày 21/05/2020 và khế ước nhận nợ với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng được ký kết giữa Ngân hàng với ông Tạ Công P V là hợp pháp và có giá trị pháp lý, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết bị đơn đã được giải ngân toàn bộ với số tiền trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho Ngân hàng với số tiền: 592.300.903 đồng (trả gốc 534.000.000 đồng, trả lãi 58.300.903 đồng). Thời điểm trả nợ cuối cùng của bị đơn cho Ngân hàng ngày 10/8/2022 từ đó đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME ngày 21/05/2020. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc, nợ lãi tại Hợp đồng cho vay là hoàn toàn phù hợp với những thỏa thuận giữa các bên. Đúng với quy định tại các Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.2.1] *Về nợ gốc:* Sau khi trừ số tiền bị đơn đã trả nợ gốc: 534.000.000 đồng cho Ngân hàng, bị đơn còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 tại Hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME ngày 21/05/2020 là 266.000.000 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Tạ Công P V phải trả nợ gốc tại Hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME ngày 21/05/2020 với số tiền 266.000.000 đồng.

[2.2.2] *Về nợ lãi:* Bị đơn đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 58.300.903 đồng, từ ngày 10/8/2022 đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn, thì bị đơn còn phải tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại khoản 3, 4 Điều 2 Hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME ngày 21/05/2020. Căn cứ quy định tại các Điều 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 tại hợp đồng cho vay số 21052020-6210045-01-SME ngày 21/05/2020 là 267.138.923 đồng (lãi trong hạn 54.715.720 đồng, lãi quá hạn 212.423.203 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo các thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền: 20.000.000 đồng + 4% (533.138.923 đồng - 400.000.000 đồng) = 25.325.556 đồng. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Tại phiên toà ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228; Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Các Điều 357; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1

Buộc bị đơn ông Tạ Công P V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 tính đến ngày 29/9/2025 là 533.138.923 đồng, trong đó nợ gốc: 266.000.000 đồng, nợ lãi 267.138.923 đồng (lãi trong hạn 54.715.720 đồng, lãi quá hạn 212.423.203 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bị đơn trả xong nợ, theo các thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

2. Về án phí: Bị đơn ông Tạ Công Phi V phải chịu 25.325.556 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.120.551 đồng theo Giấy thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00000088637 ngày 04-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ngãi).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 1- QN;
- THADS tỉnh QN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Na Na